BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 25/03 Đến 31/03/2024

LỚP			10A17	10A18	61CĐC1	61CĐT1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 25/03	Sáng	1		Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)								Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)									Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)							Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	
		2																			Hóa học 6 Trần Thị Hằng ()									
		3		Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)								Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.104)									Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.107)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)							Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)	
		4										Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.104)									Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.107)							Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)	
		5																				Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.402)								
	Chiều	6	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.402)								Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.403)		Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.407)	Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.407)																
		7																												Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)
		8	Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)								Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.407)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.407)																
		9	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)										Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.407)																Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)
		10																												Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)
Thứ 3 26/03	Sáng	1	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)								Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)								Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)								
		2																												Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)
		3	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.407)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)																		Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)								
		4		Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)								Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)								Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)								Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)
		5	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.407)																											
	Chiều	6									Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.403)										Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)									
		7																											Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.407)	
		8									Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)																		Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)	
		9																			Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)									
		10									Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.403)																		Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	
Thứ 4 27/03	Sáng	1	Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.104)																									Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	
		2																			Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)								Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)	
		3	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.402)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)																										
		4	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.402)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.104)																	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.107)								Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.407)	
		5	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.402)																		Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.107)								Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)	
	Chiều	6									Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.403)	Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.401)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)								Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)								Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)
		7									Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)											Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.402)								
		8										Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ ()	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ ()																Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)
		9									Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.403)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng ()	Hóa học 6 Trần Thị Hằng ()								Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)								
		10											Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)																Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)

LỚP			10A17	10A18	61CĐC1	61CĐT1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 28/03	Sáng	1		Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)							Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.102)		Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.107)															Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.401)
		2		Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)									Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)								Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)							Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)
		3									Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.102)																			Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)
		4									Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)		Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)								Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.402)							Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)	
		5		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)																										Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)
	Chiều	6	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.407)									Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)									Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)									
		7																												
		8										Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.401)																		
		9	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.407)									Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.401)									Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)									
		10																												
Thứ 6 29/03	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 30/03	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 25/03 Đến 31/03/2024

LỚP			61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 25/03	Sáng	1	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)		Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)						Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.102)			Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)						Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)
		2													Hóa học 6 Trần Thị Hằng ()																
		3	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.104)		Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)						Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)			Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.107)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)		Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)			Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.401)							
		4	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.104)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)										Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.107)		Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)		Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.106)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.401)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.401)							
		5														Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.402)														
	Chiều	6				Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)														Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.403)									Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	
		7																												
		8				Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)																								
		9																		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)										
		10				Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)																								
Thứ 3 26/03	Sáng	1	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)			Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)					Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.102)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.102)				Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.106)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)		Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.106)									Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)
		2									Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)				Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)														
		3									Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.102)					Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.106)				Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.106)										
		4	Văn học 6 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.104)			Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)					Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)				Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.106)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)		Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.106)									
		5																												
	Chiều	6			Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.407)										Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)					Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.403)		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)							Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)
		7																												
		8			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)										Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)					Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)		Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)								
		9			Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)															Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.403)		Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)							
		10																												
Thứ 4 27/03	Sáng	1			Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)						Văn học 6 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.102)	Văn học 6 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.102)			Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)						Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	
		2			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)																									
		3			Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.407)						Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)			Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.107)		Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)		Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.401)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.401)							
		4									Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)					Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.106)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.103)		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.106)									
		5			Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)						Văn học 6 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.102)	Văn học 6 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.102)			Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.107)																
	Chiều	6	Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.401)			Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)										Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)				Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.403)									Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)
		7														Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.402)				Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)										
		8	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.401)			Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)																								
		9	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.401)													Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)				Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.403)										
		10				Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)																								

LỚP			61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 28/03	Sáng	1			Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.401)										Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.102)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.106)								Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	
		2			Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)											Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.106)				Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.106)									
		3			Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)												Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.102)										
		4				Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)										Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.402)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.106)			Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.106)									
		5																Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)											
	Chiều	6	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)								Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)			Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)							Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.403)							Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3:207_Khoa SP-KT)
		7																												
		8	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.401)								Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang ()	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang ()			Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)							Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.403)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.403)								
		9	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.401)								Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)										Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)								
		10									Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)																		
Thứ 6 29/03	Sáng	1																											Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																											Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 30/03	Sáng	1																											Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																											Thực tập tại doanh nghiệp Nguyễn Thị Hạnh ()	
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 25/03 Đến 31/03/2024

LỚP			62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 25/03	Sáng	1						Ktra: Máy điện-1-2-2023(N03) Đặng Duy Thanh (X23.302.Phòng học Máy điện)						Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)
		2																							Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)
		3												Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)
		4												Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)										Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)				Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	
		5																							Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)			Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)
	Chiều	6																												
		7					Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)				Photoshop Lê Sơn Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)		Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Ktra: Điện tử công nghiệp-1-2-2023(N04) (...)	Trang bị điện Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)			Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đoàn Mạnh Hà ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Trần Văn Kiên ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Lỗ Văn Ba ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)				Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Ktra: Máy điện-1-2-2023(N05) Triệu Đình Sơn (X23.302.Phòng học Máy điện)
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 26/03	Sáng	1												Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)
		2					Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)																		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)
		3												Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)
		4												Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)								Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)		Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)
		5																							Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)				Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	
	Chiều	6																												
		7									Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3-1-2-2023(N01) (...)	Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Ktra: Cung cấp điện-1-2-2023(N04) (...)	Trang bị điện Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh ()	Truyền động điện Nguyễn Anh Đức ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Trần Văn Kiên ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Lỗ Văn Ba ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)				Ktra: Máy điện-1-2-2023(N04) Đặng Duy Thanh (X23.302.Phòng học Máy điện)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 27/03	Sáng	1												Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)								Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.201)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.201)
		2					Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Ktra: Điện tử công suất-1-2-2023(N01) Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)																						
		3												Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)								Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)
		4												Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)				Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	
		5																							Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	
	Chiều	6																												
		7					Ktra: Hệ thống điều hòa không khí cục bộ -1-2-2023(N01) Nguyễn Trí Đức (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)				Photoshop Lê Sơn Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)		Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Trang bị điện Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)			Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh ()	Truyền động điện Nguyễn Anh Đức ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Trần Văn Kiên ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Lỗ Văn Ba ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)		Ktra: Hệ thống điều hòa không khí cục bộ -1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (H6.202.TH. PLC)		Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Ktra: Điện tử công suất-1-2-2023(N03) Nguyễn Minh Khang (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 28/03	Sáng	1					Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)							Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)			Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.201)
		2												Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)									Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)			Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)
		3												Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)							Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.201)
		4												Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.301)	Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.301)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)
		5														Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)									Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)
	Chiều	6																												
		7					Ktra: Hệ thống máy lạnh công nghiệp-1-2-2023(N01) Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.101)				Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Trang bị điện Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)			Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh ()	Truyền động điện Nguyễn Anh Đức ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Trần Văn Kiên ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Lỗ Văn Ba ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)			Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()	Ktra: Vi điều khiển-1-2-2023(N03) Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 29/03	Sáng	1					Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)				Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.403)							HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.201)
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6											Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()		Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Trang bị điện Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)				Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh ()	Truyền động điện Nguyễn Anh Đức ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Trần Văn Kiên ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Lỗ Văn Ba ()	Ktra: Hệ thống máy lạnh công nghiệp-1-2-2023(N02) Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Ktra: Hệ thống máy lạnh dân dụng-1-2-2023(N03) Bùi Công Kết (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)		Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()		
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 30/03	Sáng	1																												
		2																										Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()		
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6											Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()						Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh ()	Truyền động điện Nguyễn Anh Đức ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Trần Văn Kiên ()	Điều khiển khí nén-thủy lực Lỗ Văn Ba ()				Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()		
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 25/03 Đến 31/03/2024

LỚP			62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 25/03	Sáng	1	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)				Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)			Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)			Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)		
		2																		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)						Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)				
		3	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)			Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)		
		4								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)			Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thuỷ Ngọc (H5.202)			Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)		Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)			
		5					Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)			Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)					Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)				Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)						Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)		
	Chiều	6	Ktra: Vi điều khiển-1-2-2023(N05) Hoàng Quyết Tiến (X23.304.Phòng học Trang bị điện)														Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng (H3.204.TH KHOA TIN)				Ktra: Phần mềm mã nguồn mở-1-2-2023(N04) Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.111_TH THCB)						Ktra: Thiết kế trình diễn trên máy tính-1-2-2023(N01) Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Văn bản pháp qui Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 26/03	Sáng	1	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)				Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)		
		2	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)				Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)															Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)							Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)		
		3	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)			Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)		
		4	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)							Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)		Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)			Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)		
		5					Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)					Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)					Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)		Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)				Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)		
	Chiều	6	Ktra: Lập trình C cho vi điều khiển-1-2-2023(N04) Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)			Kỹ thuật số nâng cao Nguyễn Văn Chiều ()											Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng (H3.204.TH KHOA TIN)	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Nguyễn Văn Trình ()		SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	SQL Server Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3-1-2-2023(N02) (...)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1-1-2-2023(N03) (...)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3-1-2-2023(N04) (...)		Văn bản pháp qui Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Công nghệ đa phương tiện Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu ()	Ktra: Tiếng anh 1-1-2-2023(N01) (TV.301)
		7																												
		8																												
		9																												Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()
		10																												
Thứ 4 27/03	Sáng	1	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)			Địa lý 4 Nguyễn Thị Thùy Ngân (H5.204)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thùy Ngân (H5.204)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.203)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.203)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)		
		2																												
		3	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)				Địa lý 4 Nguyễn Thị Thùy Ngân (H5.404)			Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thùy Ngân (H5.404)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		
		4					Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)					Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)		
		5	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)							Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)							Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)				
	Chiều	6															Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.211_TH Tin Đại cương)			SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	SQL Server Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)					Văn bản pháp qui Tạ Ngọc Dũng (H3.110_TH THCB)	Văn bản pháp qui Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 28/03	Sáng	1	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)				Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)			Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)		
		2										Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)					Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)				Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)		Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		
		3	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.302)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)			Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.302)	
		4	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Trịnh Thị Phong Lan (H5.307)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.202)		Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)				Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.202)			
		5					Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)					Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)					Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)					Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)		
	Chiều	6		Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Kỹ thuật số nâng cao Nguyễn Văn Chiều ()											Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Nguyễn Văn Trình ()		Ktra: Quản trị mạng với Windows server-1-2-2023(N03) Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)				Văn bản pháp qui Tạ Ngọc Dũng (H3.110_TH THCB)		Công nghệ đa phương tiện Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Võ Lệ Thu ()	Tiếng anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.101)
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 29/03	Sáng	1	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Lê Văn Nam ()	Tách: Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)		
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6		Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Kỹ thuật số nâng cao Nguyễn Văn Chiều ()		Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Lê Văn Nam ()	Tách: Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)				Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()			Ktra: Kỹ thuật điện tử-1-2-2023(N01) Hoàng Tùng (H3.204.TH KHOA TIN)		Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình ()	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Ktra: Quản trị mạng với Windows server-1-2-2023(N04) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)						Văn bản pháp qui Tạ Ngọc Dũng (H3.110_TH THCB)		Công nghệ đa phương tiện Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Võ Lệ Thu ()	Tiếng anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.101)
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 30/03	Sáng	1		Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Kỹ thuật số nâng cao Nguyễn Văn Chiều ()		Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Lê Văn Nam ()	Tách: Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)				Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()																	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6		Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Kỹ thuật số nâng cao Nguyễn Văn Chiều ()		Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Lê Văn Nam ()	Tách: Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)				Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()					Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình ()												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 25/03 Đến 31/03/2024

LỚP			63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 25/03	Sáng	1	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Ktra: Tiếng anh 1-1-2-2023(N04) (TV.301)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	LĐ		Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)											Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)			Ktra: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N02) Nguyễn Thị Thanh Thủy (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)
		2																												
		3			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()																									
		4																												
		5																												
	Chiều	6								Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()			Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.104)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.104)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)									Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.103)			
		7				Ktra: Tiếng anh 1-1-2-2023(N05) (...)										Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)													
		8												Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)																
		9				Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N05) (TV_THI TN01)								Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.104)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)									Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)			
		10														Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)													
Thứ 3 26/03	Sáng	1	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.105)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.106)			Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)										Ktra: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N02) Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Ktra: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Nguyễn Chí Thành (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Ktra: Trang bị điện-1-2-2023(N02) Triệu Đình Sơn (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6								Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.104)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)					Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu ()	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu ()				Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.103)			
		7		Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N03) (TV_THI TN01)				Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N03) (TV_THI TN01)	Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N03) (TV_THI TN01)					Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)																
		8				Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)								Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.104)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)													
		9		Ktra: Tiếng anh 1-1-2-2023(N03) (TV_THI TN01)				Ktra: Tiếng anh 1-1-2-2023(N03) (TV_THI TN01)	Ktra: Tiếng anh 1-1-2-2023(N03) (TV_THI TN01)					Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)		Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)													
		10																												
Thứ 4 27/03	Sáng	1	Ktra: Tiếng anh 1-1-2-2023(N02) (TV.301)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)		Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.104)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.103)		LĐ	Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)										Ktra: Vật liệu-1-2-2023(N02) Lê Đức Quảng (H5.101)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Ktra: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N01) Nguyễn Việt Cường (H3.108.TH LĐĐ)	
		2																												
		3																												
		4	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()																											
		5																												
	Chiều	6								Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)			Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.104)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.104)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)									Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.103)			
		7				Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)								Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)													
		8																												
		9												Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)		Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)										Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)			
		10												Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)																

LỚP			63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 28/03	Sáng	1	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.105)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)			Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.105)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.105)	Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N09) (TV.301)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.104)			Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)	LĐ									Ktra: Kỹ thuật hàn-1-2-2023(N02) Nguyễn Việt Cường (H6.101)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)			
		2																												
		3								Ktra: Tiếng anh 1-1-2-2023(N09) (TV.301)																				
		4																												
		5																												
	Chiều	6				Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()				Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.104)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)					Vẽ điện Đỗ Tiến Phong ()					Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)			
		7																												
		8												Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)													
		9												Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)																
		10														Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)													
Thứ 6 29/03	Sáng	1	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.105)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N06) (TV_THI TN01)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.105)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.105)		Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N10) (TV_THI TN03)	Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N11) (TV.301)			Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)												Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	Ktra: Điện tử cơ bản-1-2-2023(N04) Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		
		2																												
		3					Ktra: Tiếng anh 1-1-2-2023(N06) (TV_THI TN01)																							
		4																												
		5																												
	Chiều	6				Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()				Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)			Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N12) (TV.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)	Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.104)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.203)					Vẽ điện Đỗ Tiến Phong ()					Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.103)			
		7																												
		8											Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N12) (TV.303)																	
		9																												
		10																												
Thứ 7 30/03	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																				Vẽ điện Đỗ Tiến Phong ()								
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 25/03 Đến 31/03/2024

LỚP			63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																															
Thứ 2 25/03	Sáng	1				Vẽ kĩ thuật Phạm Đức Lâm (X10.204_PHLT Khoa CK)	Vẽ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)																											
		2																															
		3																															
		4																															
		5																															
	Chiều	6			Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)		Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)			Quản lý thiết bị Phạm Văn Ức ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)			Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)
		7								VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)		VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)										
		8			Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)				Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)													Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)			Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		9			Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)				Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)					Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		10																				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)										
Thứ 3 26/03	Sáng	1				Vẽ kĩ thuật Phạm Đức Lâm (X10.204_PHLT Khoa CK)	Vẽ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)									Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Ktra: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-2-2023(N07) Phùng Ngọc Hùng (H3.204.TH KHOA TIN)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.211_TH Tin Đại cương)		Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)			Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2023(N01) (...)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2023(N02) (...)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-2023(N03) (...)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2023(N04) (...)		Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.201_TH KTXS)		Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2																															
		3																															
		4																															
		5																															
	Chiều	6			Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)		Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)			Quản lý thiết bị Phạm Văn Ức ()	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Cơ sở dữ liệu Phùng Thị Minh Phương ()	Mạng máy tính Lê Hoàng ()	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		7			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)																Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)												
		8			Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)		VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)				Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)							Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)			Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)
		9			Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)					Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thủy Ngân (H5.306)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thủy Ngân (H5.306)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	
		10							Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)													Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)										Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
Thứ 4 27/03	Sáng	1				Vẽ kĩ thuật Phạm Đức Lâm (X10.204_PHLT Khoa CK)	Vẽ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)								Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2023(N03) Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2023(N06) Kim Thị Thương (H3.204.TH KHOA TIN)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Ktra: Mạng máy tính-1-2-2023(N09) Lê Sơn Thảo (H3.111_TH THCB)									Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.201_TH KTXS)			Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2																															
		3																															
		4																															
		5																															
	Chiều	6			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)		Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)			Quản lý thiết bị Phạm Văn Ức ()	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		7			Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)																Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.301)					Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)							
		8				Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)		Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)				Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)							Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)			Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		9			Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)				Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thủy Ngân (H5.301)		Địa lí 2 Nguyễn Thị Thủy Ngân (H5.301)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)
		10			Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)					Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)																			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)		

LỚP			63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																															
Thứ 5 28/03	Sáng	1				Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.104)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.104)								Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)				Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)								Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.201_TH KTXS)	Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	
		2																															
		3																															
		4																															
		5																															
	Chiều	6	Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)	Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Thị Thanh Thúy (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N06) Nguyễn Chí Thành (...)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)				Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)			Quản lý thiết bị Phạm Văn Ức ()	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.102)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.102)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Cơ sở dữ liệu Phùng Thị Minh Phương ()	Mạng máy tính Lê Hoàng ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)
		7																															
		8			Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.201)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)
		9			Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)																								
		10								Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
Thứ 6 29/03	Sáng	1						Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)				Nguyễn lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyễn lý kế toán Bùi Thu Trang ()																				
		2													Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)					Ktra: Mạng máy tính-1-2-2023(N02) Nguyễn Tuấn Hưng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)									Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.209.TH Tin học)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2023(N13) Vũ Lê Thu (H2.302_TH QTM)	Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Ktra: Mạng máy tính-1-2-2023(N15) Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		3																															
		4																															
		5																															
	Chiều	6	Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)	Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Thị Thanh Thúy (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N06) Nguyễn Chí Thành (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Nguyễn lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyễn lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Quản lý thiết bị Phạm Văn Ức ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Cơ sở dữ liệu Phùng Thị Minh Phương ()	Mạng máy tính Lê Hoàng ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		7																															
		8																															
		9				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)																												
		10																															
Thứ 7 30/03	Sáng	1	Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)	Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Thị Thanh Thúy (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N06) Nguyễn Chí Thành (...)				Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)				Nguyễn lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyễn lý kế toán Bùi Thu Trang ()																				
		2																															
		3																															
		4																															
		5																															
	Chiều	6	Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)	Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Thị Thanh Thúy (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N06) Nguyễn Chí Thành (...)				Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)				Nguyễn lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyễn lý kế toán Bùi Thu Trang ()						Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa ()													
		7																															
		8																															
		9																															
		10																															